

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **288/2022/HSPT**

Ngày: 09-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tào

*Các thẩm phán:* Ông Lê Phước Thanh

Ông Mai Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 211/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hùng V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HSST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

***Bị cáo***

**NGUYỄN HÙNG V** - sinh năm: 1997 tại Bình Định; nơi cư trú: Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q, sinh năm 1960 và bà Võ Thị T, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2021. Vắng.

***Bị hại liên quan đến kháng cáo:***

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; trú tại: tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1982; trú tại: tỉnh Bình Định. Vắng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; trú tại: tỉnh Bình Định. Có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:***

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; trú tại: tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1990; trú tại: thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

3. Chị Đinh Thị T , sinh năm 1972; trú tại: huyện T , tỉnh Bình Định. Có mặt.

4. Chị Võ Thị Kiều O, sinh năm 1963; trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Nguyễn Hùng V là sinh viên mới tốt nghiệp đại học; trong thời gian chờ xin việc, V đã học khóa đào tạo kinh doanh bất động sản ngắn hạn rồi hoạt động trong lĩnh vực bất động sản. Do không có vốn, nên V đã huy động tiền của Nguyễn Thị T theo hình thức đưa tiền đặt cọc trước rồi bán đất chia lợi nhuận. V thỏa thuận chia lợi nhuận cao, thời hạn trả nợ ngắn thì T đồng ý. Thời gian đầu do làm ăn thuận lợi, V trả đầy đủ tiền gốc, lợi nhuận cho T. Đến ngày 18/7/2019, do đất đặt cọc bán không được, các khoản huy động trước đó đã đến hạn trả nợ, đồng thời do mua một lô đất rồi bán lỗ số tiền 210.000.000 đồng nên V mất khả năng trả nợ nhưng để có tiền trả nợ, V nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối cần tiền cọc đất bán chia lợi nhuận, thỏa thuận lợi nhuận từ 20-40% tiền góp vốn, thời hạn trả nợ khoảng 01 tháng, tiếp tục huy động tiền của nhiều người. Để thuận tiện cho việc nhận tiền, V sử dụng tài khoản ngân hàng V số 0431000228957 và T số 19034489172014 để thực hiện việc giao dịch với các bị hại. Để các bị hại tin tưởng giao tiền, V nói có quen biết với nhà đầu tư bất động sản lớn, có đầu ra cho các lô đất; đồng thời đưa ra lợi nhuận cao, thời gian thu hồi ngắn. Để che giấu hành vi phạm tội và trì hoãn việc trả nợ, V đã làm giả các giấy đặt cọc đất, viết giấy bán đất,... giao cho bị hại cất giữ. Ngoài thủ đoạn nêu trên, V còn đưa ra thông tin gian dối có quen biết bên đầu giá đất, có thể mua được đất trúng đấu giá với giá rẻ và bao ra sổ đỏ để huy động và chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại. Để các bị hại tin tưởng, V đều sắp xếp cho họ gặp mặt chủ đất làm Hợp đồng công chứng. Bằng các phương thức, thủ đoạn nêu trên, từ 18/7/2019 đến ngày 18/10/2019, Nguyễn Hùng V đã huy động, chiếm đoạt của nhiều bị hại, cụ thể như sau:

#### ***1. Nguyễn Thị T , sinh năm 1990;***

Từ ngày 18/7/2019 đến ngày 10/9/2019, với các thủ đoạn trên, Nguyễn Hùng V đã huy động của T tổng số tiền 14.675.000.000đ. Sau khi nhận tiền của T, V không đặt cọc đất như đã thỏa thuận mà dùng số tiền này để trả cho T với tổng số tiền 10.125.000.000đ, còn lại 4.550.000.000đ V chiếm đoạt.

Ngoài ra, khoảng cuối tháng 9/2019, V đưa ra thông tin gian dối quen biết bên đầu giá đất, có thể mua đất trúng đấu giá với giá rẻ, đồng thời bao ra sổ đỏ để giới thiệu cho T mua 4 lô đất gồm: Lô đất số 7, 8 (thôn T 2) thuộc khu quy hoạch dân cư xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, người trúng đấu giá là bà Huỳnh Thị T; Lô đất số 9 (thôn A 2) thuộc khu quy hoạch dân cư xã P, huyện T, tỉnh

Bình Định, người trúng đấu giá là bà Đinh Thị T ; Lô đất số 13 (thôn T 2) thuộc khu quy hoạch dân cư xã P, huyện T , tỉnh Bình Định, người trúng đấu giá là bà Võ Thị Kiều O. Sau khi nhận tiền, V giao một phần cho ông Nguyễn Văn T , còn lại sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

**Lần 1:** Sau khi thỏa thuận với ông T bán lô đất số 7 và 8 với hình thức mua bán sang phiếu, V thỏa thuận giá 450.000.000đ/lô, bao ra sổ đỏ thì T đồng ý và hẹn ngày đi công chứng. Ngày 27/9/2019, V và vợ chồng T đến Văn phòng công chứng T gặp ông T và bà T công chứng Hợp đồng ủy quyền 02 lô đất số 7 và 8. Do còn nợ tiền T , V thỏa thuận trả giúp cho T 01 lô; khi công chứng xong, V yêu cầu T giao tiền mặt cho ông T 450.000.000đ. V lấy Hợp đồng công chứng và giấy tờ liên quan đến lô đất số 7 và 8 giao cho T .

**Lần 2:** Sau khi thỏa thuận với ông T giá bán lô đất số 9 và 13 với hình thức mua bán sang phiếu, V thỏa thuận giá 850.000.00đ/02 lô, bao ra sổ đỏ thì T đồng ý. Ngày 29/9/2019, T giao tiền mặt cho V 400.000.000đ tại quán cà phê H, Tp. Q, tỉnh Bình Định và hẹn ngày đi công chứng. Ngày 30/9/2019, V và vợ chồng T đến Văn phòng công chứng T gặp ông T và bà T công chứng Hợp đồng ủy quyền 02 lô đất số 9 và 13. Khi công chứng xong, T chuyển khoản cho ông T 450.000.000đ theo yêu cầu của V. V lấy Hợp đồng công chứng và giấy tờ liên quan đến lô đất số 9 và 13 giao cho T .

Do đó, với hình thức mua đất trúng đấu giá, V huy động, chiếm đoạt của Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.300.000.000đ.

Như vậy, từ ngày 18/7/2019 đến 30/9/2019, bằng nhiều thủ đoạn gian dối, Nguyễn Hùng V đã chiếm đoạt của Nguyễn Thị T tổng số tiền 5.850.000.000đ.

### ***2. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1993;***

Ngày 18/7/2019, bằng các thủ đoạn gian dối trên, V đã huy động của Nguyễn Minh T số tiền 295.000.000đ. Sau khi nhận tiền, V không đặt cọc mua đất mà sử dụng chính số tiền này để trả cho T số tiền 141.500.000đ, còn lại số tiền 153.500.000đ V chiếm đoạt.

### ***3. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1993;***

Từ ngày 24/8/2019 đến giữa tháng 9/2019, bằng các thủ đoạn gian dối trên, V huy động của Phạm Thanh T tổng số tiền 950.000.000đ. Sau khi nhận tiền, V không đặt cọc mua đất mà sử dụng số tiền này nhiều lần trả cho T, cụ thể: trả tiền gốc 350.000.000đ, lợi nhuận 100.000.000đ, còn lại số tiền 500.000.000đ V chiếm đoạt.

### ***4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1982;***

Ngày 24/9/2019, Nguyễn Hùng V giới thiệu cho Lê Thị T mua lô đất số 11 (thôn T 2) thuộc khu quy hoạch dân cư xã P, huyện T , tỉnh Bình Định, người trúng đấu giá là bà Huỳnh Thị T . Sau khi thỏa thuận với ông Nguyễn Văn T giá bán lô đất số 11 với hình thức mua bán sang phiếu, V thỏa thuận giá 445.000.000đ, bao ra sổ đỏ thì T đồng ý. T giao tiền mặt cho V 100.000.000đ tại quán cà phê ngã tư đường Tây Sơn - Võ Liệt, rồi hẹn ngày đi công chứng.

Ngày 25/9/2019, V và T đến Văn phòng công chứng T gặp ông T và bà T công chứng Hợp đồng ủy quyền lô đất số 11. Khi công chứng xong, T giao tiền mặt cho V 345.000.000đ. V lấy Hợp đồng công chứng và giấy tờ liên quan đến lô đất số 11 giao cho T. Sau khi nhận tiền, V giao cho ông T một phần; còn lại V sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Như vậy, từ ngày 24/9/2019 đến ngày 25/9/2019, Nguyễn Hùng V đã sử dụng thủ đoạn gian dối để huy động vốn sau đó chiếm đoạt của Lê Thị T tổng số tiền 445.000.000đ.

#### ***5. Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1991;***

Ngày 29/9/2019, Nguyễn Hùng V giới thiệu cho Lê Thị Thanh T mua lô đất số 6 (thôn T 2) thuộc khu quy hoạch dân cư xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, người trúng đấu giá là bà Võ Thị Kiều O. Sau khi thỏa thuận với ông Nguyễn Văn T giá bán lô đất số 6 với hình thức mua bán sang phiếu, V thỏa thuận giá 420.000.000đ, bao ra sổ đỏ thì T đồng ý. T giao tiền mặt cho V 35.000.000đ và hẹn ngày đi công chứng. Ngày 30/9/2019, V và T đến Văn phòng công chứng T gặp ông T và bà O công chứng Hợp đồng ủy quyền lô đất số 6. Khi công chứng xong, T nhờ T chuyển khoản cho V 100.000.000đ. Do chưa giao đủ tiền, bà O không giao Hợp đồng ủy quyền và giấy tờ liên quan lô đất số 6. Ngày 01/10/2019 và ngày 07/10/2019, T giao thêm cho V tổng số tiền 150.000.000đ với mục đích lấy Hợp đồng ủy quyền và giấy tờ liên quan lô đất số 6. Sau khi nhận tiền, V sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân, không giao cho ông T và bà O nên không lấy được Hợp đồng ủy quyền và giấy tờ liên quan lô đất số 6.

Như vậy, từ ngày 29/9/2019 đến ngày 07/10/2019, Nguyễn Hùng V đã sử dụng thủ đoạn gian dối để huy động, chiếm đoạt của Lê Thị Thanh T tổng số tiền 285.000.000đ.

Như vậy, từ ngày 18/7/2019 đến ngày 18/10/2019, Nguyễn Hùng V đã sử dụng nhiều thủ đoạn gian dối, nhiều lần huy động tiền của Nguyễn Thị T, Nguyễn Minh T, Phạm Thanh T, Lê Thị T, Lê Thị Thanh T với tổng số tiền 17.950.000.000đ; đã trả gốc và lợi nhuận tổng số tiền 10.716.500.000đ. Do đó, V chiếm đoạt tổng số tiền 7.233.500.000đ; đối với số tiền chiếm đoạt này, V sử dụng để trả lợi nhuận cao cho các bị hại nhưng không có chứng từ chứng minh; giao tiền mua đất trúng đấu giá cho ông Nguyễn Văn T 970.000.000đ; còn lại V tiêu xài cá nhân.

**- Đối với ông Nguyễn Văn T :** Ông Nguyễn Văn T là môi giới nhà đất, quen biết Nguyễn Hùng V vào tháng 5/2019 thông qua các mối quan hệ xã hội lĩnh vực bất động sản. Khoảng cuối tháng 9/2019, bà Huỳnh Thị T, Đinh Thị T và Võ Thị Kiều O nhờ ông T môi giới bán các lô đất trúng đấu giá của họ. Sau khi thỏa thuận với hình thức bán sang phiếu, ông T kê giá lên kiếm lời, thỏa thuận với Nguyễn Hùng V cũng với hình thức mua bán sang phiếu, có công chứng ủy quyền. Với hình thức trên, thông qua V, ông T đã bán được lô đất số 7, 8 và 11 của Huỳnh Thị T; lô đất số 9 của Đinh Thị T và lô đất số 13 của Võ Thị Kiều O. Sau khi công chứng xong, T nhận từ V tổng số tiền 970.000.000đ; sau đó, T giao cho T 327.000.000đ; giao cho T 140.000.000đ; giao cho O

136.000.000đ đúng như thỏa thuận; còn lại hưởng lợi số tiền 367.000.000đ. Cụ thể:

Lô đất số 11 công chứng ngày 25/9/2019: V giao cho ông T 120.000.000đ. T giao lại cho T 109.000.000đ, hưởng lợi 11.000.000đ.

Lô đất số 7, 8 công chứng ngày 27/9/2019: V giao cho ông T 400.000.000đ. T giao lại cho T 218.000.000đ, hưởng lợi 182.000.000đ.

Lô đất số 9, 13 công chứng ngày 30/9/2019: V giao cho ông T 450.000.000đ. T giao lại cho T 140.000.000đ, giao cho O 136.000.000đ, hưởng lợi 174.000.000đ.

Quá trình mua bán, Nguyễn Văn T hoàn toàn không biết Nguyễn Hùng V có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại, số tiền mà T nhận được là tiền hoa hồng có được từ việc môi giới mua bán đất do V trích lại.

- Về dân sự: Các bị hại yêu cầu Nguyễn Hùng V trả lại số tiền còn lại mà V đã chiếm đoạt.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:***

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hùng V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hùng V 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng: Điều 48 BLHS; Điều 580; 584; 585; 589 BLDS.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hùng V phải có trách nhiệm trả cho những người bị hại như sau:

1. Chị Nguyễn Thị T : 5.000.000.000 đồng.

2. Anh Nguyễn Minh T: 153.500.000 đồng.

3. Anh Phạm Thanh T: 500.000.000 đồng.

4. Chị Lê Thị T 325.000.000 đồng.

5. Chị Lê Thị Thanh T: 285.000.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T 356.000.000 đồng; trả cho chị Lê Thị T 11.000.000 đồng.

- Buộc bà Huỳnh Thị T phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T 218.000.000 đồng; trả cho chị Lê Thị T 109.000.000 đồng.

- Buộc bà Đinh Thị T phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T 140.000.000 đ

- Buộc bà Võ Thị Kiều O phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T 136.000.000 đ

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 và 26 tháng 4 năm 2022, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn T , Đinh Thị T , Võ Thị Kiều O và Huỳnh Thị T kháng cáo không đồng ý phân trách nhiệm dân sự về việc buộc phải trả tiền cho các bà Nguyễn Thị T , Lê Thị T và phải chịu án phí.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy:

[1] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn T , Đinh Thị T , Võ Thị Kiều O và Huỳnh Thị T ; nhận thấy:

[1.1]. Về phân trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Hùng V đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Thị T , Nguyễn Minh T, Phạm Thanh T, Lê Thị T , Lê Thị Thanh T, với số tiền 7.233.500.000 đồng; trong đó bị cáo V sử dụng 970.000.000 đồng tiền chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Thị T , Lê Thị T giao cho ông Nguyễn Văn T là tiền môi giới bán 05 lô đất trúng đấu giá. Sau đó, Nguyễn Văn T giao cho Huỳnh Thị T 327.000.000 đồng, giao cho Đinh Thị T 140.000.000 đồng, giao cho Võ Thị Kiều O 136.000.000 đồng; còn lại 367.000.000 đồng Nguyễn Văn T hưởng. Xét thấy số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có, nên án sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 47 BLHS thu hồi trả lại cho người bị hại là đúng quy định pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T , bà Đinh Thị T , bà Võ Thị Kiều O và bà Huỳnh Thị T ; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

[1.2]. Về phân án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy số tiền mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải trả cho các bị hại Nguyễn Thị T , Lê Thị T là tiền được thu hồi trả lại cho bị hại; những người liên quan này không có lỗi trong việc chiếm giữ tài sản, nên án sơ thẩm buộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn T , Đinh Thị T , Võ Thị Kiều O và Huỳnh Thị T ; sửa án sơ thẩm về phân án phí dân sự sơ thẩm.

[2]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị

đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên những người có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn T , Đinh Thị T , Võ Thị Kiều O và Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn T , Đinh Thị T , Võ Thị Kiều O và Huỳnh Thị T ; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T 356.000.000 đồng; trả cho chị Lê Thị T 11.000.000 đồng.

- Buộc bà Huỳnh Thị T phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T 218.000.000 đồng; trả cho chị Lê Thị T 109.000.000 đồng.

- Buộc bà Đinh Thị T phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T 140.000.000 đ.

- Buộc bà Võ Thị Kiều O phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T 136.000.000 đ.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn T , Đinh Thị T , Võ Thị Kiều O và Huỳnh Thị T ; sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T , bà Đinh Thị T , bà Võ Thị Kiều O và bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T , bà Đinh Thị T , bà Võ Thị Kiều O và bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0000165 ngày 13/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả cho bà Đinh Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0000167 ngày 13/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh

Bình Định.

- Hoàn trả cho Huỳnh Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0000166 ngày 13/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do ông Nguyễn Văn T nộp thay).

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Kiều O 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0000155 ngày 16/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do bà Phạm Thị Thùy Dung nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tào**